



Mercedes-Benz

Haxaco

Nhà Phân Phối ủy quyền của
Mercedes-Benz Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2009****I./ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A/= TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		170 146 768 602	121 643 170 009
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15 245 693 644	7 947 526 553
1. Tiền	111	V.01	15 245 693 644	5 447 526 553
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2 500 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8 981 875 335	14 031 875 335
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	10 617 730 000	15 667 730 000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(1 635 854 665)	(1 635 854 665)
III. Các khoản phải thu	130		60 470 280 977	34 400 245 675
1. Phải thu khách hàng	131		58 294 167 833	31 640 246 068
2. Trả trước cho người bán	132		1 099 626 766	343 006 530
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1 076 486 378	2 416 993 077
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		79 642 018 810	60 529 582 858
1. Hàng tồn kho	141	V.04	79 642 018 810	60 529 582 858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5 806 899 836	4 733 939 588
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		630 915 111	366 924 269
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2 435 588 971	1 960 469 853
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	239 237 109	187 376 605
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2 501 158 645	2 219 168 861
B/= TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		50 445 279 174	52 803 233 379
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		38 583 644 613	40 940 277 906
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	26 937 227 813	29 293 861 106
- Nguyên giá	222		40 502 961 702	41 716 628 248
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13 565 733 889)	(12 422 767 142)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11 646 416 800	11 646 416 800
- Nguyên giá	228		11 658 916 800	11 658 916 800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12 500 000)	(12 500 000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11 509 050 000	11 509 050 000
1. Đầu tư vào công ty con	251		11 503 050 000	11 503 050 000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	6 000 000	6 000 000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		352 584 561	353 905 473
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	276 795 742	278 116 654
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	75 788 819	75 788 819
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		220 592 047 776	174 446 403 388





Mercedes-Benz

Haxaco
Nhà Phân Phối ủy quyền của
Mercedes-Benz Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A/= NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		118 302 033 031	71 770 350 891
I. Nợ ngắn hạn	310		117 718 719 631	71 179 893 291
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	5 682 239 159	7 130 593 424
2. Phải trả người bán	312		78 032 245 530	56 352 037 125
3. Người mua trả tiền trước	313		29 783 600 048	4 465 330 094
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1 818 654 350	1 354 200 713
5. Phải trả người lao động	315		922 599 062	1 233 670 916
6. Chi phí phải trả	316	V.17	130 000 000	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1 349 381 483	644 061 019
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		583 313 400	590 457 600
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		583 313 400	590 457 600
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B/= VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		102 290 014 745	102 676 052 497
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	101 888 072 939	101 524 742 212
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43 312 110 000	43 312 110 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		44 746 960 600	44 746 960 600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5 899 204 784	5 564 790 708
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1 997 607 056	1 830 400 018
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5 932 190 499	6 070 480 887
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		401 941 806	1 151 310 285
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		401 941 806	1 151 310 285
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		220 592 047 776	174 446 403 388

Tp: Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 4 năm 2009

Người lập biểu

PHẠM HỒNG NGỌC

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH



Tổng Giám Đốc

NGUYỄN VĂN ĐỨC



10 Điện Biên Phủ, P.15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM, Việt Nam.
Tel: (84-8) 3 5120026 - 3 5128643. Fax: (84-8) 3 5120025
NH Hồng Kông và Thượng Hải (HSBC) - Chi nhánh TP.HCM, Tài khoản số: 001-083450-041
NH Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 - TP.HCM, Tài khoản số: 10201.0000.102595



Mercedes-Benz - are registered trademarks of Daimler, Stuttgart, Germany

City showroom:
104 Nguyễn Văn Cừ, P. Nguyễn Cư Trinh
Quận 1, TP.HCM, Việt Nam
Tel : (84-8) 3 9208176 - 3 9208177
Fax: (84-8) 3 9208175
www.haxaco.com.vn